ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH CHƯA NỘP HỌC PHÍ HK1/2019-2020

Hệ NCS (Đến 18/12/2019)

TT	MSV	Họ và tên	mlop	Nợ kỳ trước	Phải nộp kỳ này	Số đã nộp	Còn chưa nộp
1	14028001	Đoàn Thị Thu Huyền	K21NCS	8,125,000	0	0	8,125,000
2	14028002	Lương Thái Lê	K21NCS	24,000,000	13,250,000	24,000,000	13,250,000
3	14028003	Phạm Nghĩa Luân	K21NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
4	14028004	Bùi Thị Hồng Nhung	K21NCS	12,000,000	13,250,000	12,000,000	13,250,000
5	14028006	Phạm Thị Thương	K21NCS	45,750,000	13,250,000	0	59,000,000
6	14028007	Giang Thành Trung	K21NCS	34,875,000	13,250,000	0	48,125,000
7	14028008	Nguyễn Văn Tú	K21NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
8	14028011	Bùi Hữu Phúc	K21NCS	45,750,000	13,250,000	0	59,000,000
9	14028013	Trần Quang Huy	K21NCS	10,875,000	0	0	10,875,000
10	14028016	Đặng Thị Hương Giang	K21NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
11	14028018	Nguyễn Quang Huy	K21NCS	28,350,000	13,250,000	0	41,600,000
12	14028019	Lương Thanh Nhạn	K21NCS	39,225,000	13,250,000	0	52,475,000
13	14028023	Nguyễn Thành Trung	K21NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
14	14028024	Lương Xuân Trường	K21NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
15	14028025	Nguyễn Ngọc Vũ	K21NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
16	15028001	Nguyễn Minh Tân	K22NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
17	15028002	Trần Đình Vương	K22NCS	34,875,000	13,250,000	0	48,125,000
18	15028004	Nguyễn Ngọc Tân	K22NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
19	15028005	Nguyễn Thị Kim Oanh	K22NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
20	15028008	Phạm Thanh Huyền	K22NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
21	15028010	Nguyễn Thanh Thụy	K22NCS	38,550,000	13,250,000	0	51,800,000
22	15028012	Nguyễn Ngọc Khương	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
23	15028013	Phạm Trần Thiện	K22NCS	15,675,000	0	0	15,675,000
24	15028016	Lê Bá Cường	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
25	15028018	Nguyễn Hạnh Phúc	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
26	15028020	Nguyễn Chí Thức	K22NCS	36,425,000	0	0	36,425,000
27	15028021	Bùi Anh Tú	K22NCS	16,800,000	13,250,000	20,000,000	10,050,000
28	15028023	Kiều Minh Việt	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
29	15028024	Giản Quốc Anh	K22NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
30	15028025	Trần Huy Toàn	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
31	15028026	Vũ Quốc Tuấn	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
32	15028028	Nguyễn Thanh Hải	K22NCS	16,800,000	13,250,000	0	30,050,000
33	16028001	Nguyễn Thị Chăm	K23NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
34	16028005	Ngô Chí Nguyện	K23NCS	34,875,000	13,250,000	0	48,125,000
35	16028010	Nguyễn Thị Hồng Loan	K23NCS	12,000,000	13,250,000	12,000,000	13,250,000
36	16028012	Nguyễn Đức Sử	K23NCS	48,675,000	13,250,000	48,675,000	13,250,000
37	16028013	Nguyễn Văn Đức	K23NCS	24,000,000	13,250,000	0	37,250,000
38	16028014	Phùng Công Phi Khanh	K23NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
39	16028020	Đỗ Nam	K23NCS	24,000,000	7,950,000	0	31,950,000
40	17028002	Nguyễn Văn Thắm	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
41	17028004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
42	17028006	Trần Văn Mạnh	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
43	17028009	Lê Văn Luân	K24NCS	24,000,000	13,250,000	0	37,250,000

TT	MSV	Họ và tên	mlop	Nợ kỳ trước	Phải nộp kỳ này	Số đã nộp	Còn chưa nộp
44	17028010	Vũ Xuân Mạnh	K24NCS	24,000,000	13,250,000	0	37,250,000
45	17028011	Phạm Văn Thành	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
46	17028014	Hoàng Văn Mạnh	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
47	17028017	Phan Nguyễn Đức Dược	K24NCS	34,875,000	13,250,000	0	48,125,000
48	17028018	Phan Hải	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
49	17028019	Trần Văn Hậu	K24NCS	24,000,000	13,250,000	12,000,000	25,250,000
50	17028020	Hồ Anh Tâm	K24NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
51	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
52	17028023	Đinh Văn Nam	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
53	17028024	Mai Đức Thọ	K24NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
54	17028025	Phí Công Huy	K24NCS	0	13,250,000	0	13,250,000
55	18028001	Nguyễn Minh Hải	K25KHMT	11,820,000	13,250,000	0	25,070,000
56	18028002	Vũ Minh Mạnh	K25KHMT	0	13,250,000	0	13,250,000
57	18028003	Lê Kim Thư	K25KHMT	-180,000	13,250,000	0	13,070,000
58	18028004	Phạm Hữu Tùng	K2MMT&TTD	11,820,000	13,250,000	0	25,070,000
59	18028005	Lưu Việt Hưng	K25NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
60	18028007	Nguyễn Thị Dung	K25NCS	12,000,000	13,250,000	0	25,250,000
61	19028003	Bùi Minh Tuấn	K26NCS	-12,000,000	13,250,000	0	1,250,000
62	19028004	Bùi Thanh Hương	K26NCS	-12,000,000	13,250,000	0	1,250,000
63	19028005	Trần Việt Khoa	K26NCS	-12,000,000	13,250,000	0	1,250,000